

**PHỤ LỤC 03: KẾT QUẢ CTKM ƯU ĐÃI CHI TIÊU NƯỚC NGOÀI SIÊU TIẾT KIÊM**

STT	So The	Ten	QUA TANG
1	5119xxxxxx4107	NGUYEN THI HONG VAN	Gói du lịch Singapore
2	5119xxxxxx4103	HOANG VU LINH	Gói du lịch Singapore
3	5119xxxxxx9102	TRAN THI PHUC	Gói du lịch Singapore
4	5119xxxxxx4104	NGUYEN MINH TRANG	Gói du lịch Singapore
5	5119xxxxxx6101	PHAM HUONG LAN	Gói du lịch Singapore

STT	So The	Ten	QUA TANG
1	4271xxxxxx1104	LE ANH TUAN	vé máy bay noi dia/Chau A
2	4766xxxxxx6130	PHAM NGOC NHU DUONG	vé máy bay noi dia/Chau A
3	4271xxxxxx6108	VUONG TIEN THANH	vé máy bay noi dia/Chau A
4	4271xxxxxx1109	LE XUAN LOI	vé máy bay noi dia/Chau A

STT	So The	Ten	QUA TANG
1	5119xxxxxx9105	LIEN THI KIM HANH	5,000,000
2	5119xxxxxx7109	NGUYEN THI VIET HA	5,000,000
3	5119xxxxxx5110	TRAN THI THUY	5,000,000
4	4271xxxxxx9100	NGUYEN THI MINH KY	5,563,667
5	4271xxxxxx7102	PHAM CONG CHAN	4,950,831
6	4271xxxxxx0104	HUYNH SUONG THANH	4,893,840
7	5119xxxxxx2106	LE KIM DUNG	4,728,372
8	4271xxxxxx0103	LE VIET SON	4,638,298
9	5119xxxxxx4111	BUI THI HOA	4,606,405
10	5119xxxxxx7109	NGUYEN MINH TRUNG	4,542,889
11	4271xxxxxx6103	LE THI BICH QUAN	4,379,779
12	5119xxxxxx0102	NGUYEN NGHIA	4,277,003
13	4271xxxxxx4106	NGUYEN THI LUONG	4,234,476
14	5119xxxxxx4102	VO THI HA GIANG	4,115,799
15	4271xxxxxx6102	TRAN NGOC TAM	3,852,903
16	5119xxxxxx7103	TONG KHANH THIEN	3,770,457
17	5171xxxxxx6119	NGO THI KIM THOA	3,686,854
18	5171xxxxxx2108	NGUYEN THI THANH VINH	3,677,410
19	4111xxxxxx0118	NGO VAN PHAT	3,659,188
20	5119xxxxxx3107	DUONG DOAN KHUONG DUY	3,515,207
21	4271xxxxxx6109	NGUYEN THI CUC	3,420,300
22	4271xxxxxx4100	NGUYEN THI THUY QUYNH	3,392,118
23	4271xxxxxx9112	NGUYEN THI LAN HUONG	3,225,650
24	4271xxxxxx4108	TRAN THI THANH PHUONG	3,137,260
25	5171xxxxxx0103	NGUYEN TANG VINH	2,999,734
26	4271xxxxxx6108	DO THI VUONG TU	2,952,911
27	5119xxxxxx2105	BUI THANH HA	2,942,535
28	4271xxxxxx7104	NGUYEN THANH HUNG	2,901,308
29	4766xxxxxx7101	TRAN THI THU THANH	2,745,654
30	4271xxxxxx8102	NGUYEN VAN PHUONG	2,743,475
31	4271xxxxxx5108	HOANG THI THUY NGA	2,735,967
32	4271xxxxxx6103	NGUYEN THE VINH	2,665,061
33	4271xxxxxx0106	NGO THI BICH DAO	2,661,698
34	4271xxxxxx9104	NGUYEN HOANG THUC	2,649,343

35	5119xxxxx0102	NGUYEN T PHUONG LIEN	2,645,252
36	5119xxxxx4109	LAM DINH SON	2,614,004
37	5119xxxxx8100	HUYNH TRUC GIANG	2,611,316
38	4271xxxxx5105	PHAN HUNG SON	2,578,252
39	5305xxxxx6109	NGUYEN THI ANH THI	2,516,550
40	4271xxxxx6202	TRUONG LE PHUONG DUNG	2,484,495
41	5119xxxxx0101	HUYNH TRUNG VIET	2,464,065
42	5305xxxxx8109	HUYNH NGHIA THIEN	2,444,825
43	5119xxxxx0107	NGUYEN THUY LINH	2,390,801
44	5119xxxxx1100	HA HUY THIEN THU	2,374,730
45	4271xxxxx3115	TRINH THANH HUY	2,364,666
46	5305xxxxx3116	VO THI PHUONG ANH	2,363,938
47	4271xxxxx4112	NGUYEN KHANH DUY	2,318,840
48	5119xxxxx4100	DINH NGOC TRIEU	2,309,351
49	4271xxxxx4107	NGUYEN HAI YEN	2,289,005
50	4271xxxxx7118	NGO QUANG TRUONG	2,277,639
51	5119xxxxx7100	LE CHI HUNG	2,177,243
52	4111xxxxx0201	LE ANH TUAN	2,159,738
53	5305xxxxx3114	DAN NGOC ANH	2,114,075
54	4271xxxxx9107	NGUYEN VAN DAN	2,092,002
55	5119xxxxx6108	PHAM THI THUY	2,072,012